

Số: 1904/QĐ-UBND

Thới An Đông, ngày 04 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận 09 Tổ hòa giải cơ sở trên địa bàn phường Thới An Đông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTWMTTQVN ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các Ông/Bà có tên sau đây là Hòa giải viên ở cơ sở và Tổ Trưởng Tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn phường Thới An Đông (Đính kèm danh sách).

Điều 2. Tổ Trưởng Tổ hòa giải, các Hòa giải viên ở cơ sở có các quyền, nghĩa vụ và hoạt động theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2026 và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tư pháp TPCT;
- CT, các PCT.UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường;
- Trưởng các khu vực;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, Trâm,

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Phúc



DANH SÁCH TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG

(Kèm Quyết định số 104/UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Thới An Đông)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Ghi chú
I	Tổ hòa giải Khu vực 1					
1	Nguyễn Hoàng Minh	1984	Nam	Kinh	Tổ Trưởng	
2	Bùi Hoàng Nam	1976	Nam	Kinh	Tổ phó	
3	Trần Thanh Phong	1959	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
4	Lương Thị Nguyệt	1979	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
5	Nguyễn Khôi Nguyên	1997	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
II	Tổ hòa giải Khu vực 2					
6	Nguyễn Hoàng Vui	1964	Nam	Kinh	Tổ Trưởng	
7	Trần Thanh Tùng	1982	Nam	Kinh	Tổ phó	
8	Trần Thanh Chuyên	1992	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
9	Lê Văn Tước	1952	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
10	Bùi Thị Trắc	1967	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
11	Nguyễn Thị Ngọc Dung	1995	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
III	Tổ hòa giải Khu vực 3					
12	Hoàng Đình Xuất	1973	Nam	Kinh	Tổ Trưởng	
13	Trần Thị Lệ Mi	1988	Nữ	Kinh	Tổ phó	
14	Nguyễn Thị Nhung	1979	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
15	Vũ Thị Liên	1967	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
16	Trần Thị Lan Anh	1992	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
IV	Tổ hòa giải Khu vực 4					

17	Phan Công Khương	1980	Nam	Kinh	Tổ Trưởng	
18	Dương Thị Lan	1996	Nữ	Kinh	Tổ phó	
19	Hoàng Đức Vinh	1963	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
20	Nguyễn Thị Tâm	1964	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
21	Nguyễn Duy Tứ	1962	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
V	Tổ hòa giải Khu vực 5					
22	Tổng Mỹ Phụng	1970	Nữ	Kinh	Tổ Trưởng	
23	Bùi Thị Thanh Lan	1964	Nữ	Kinh	Tổ phó	
24	Nguyễn Khắc Tuấn	1986	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
25	Lê Thành Nguyên	1960	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
26	Nguyễn Thị Thái	1963	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
VI	Tổ hòa giải Khu vực 6					
27	Lê Hoàng Tâm	1966	Nam	Kinh	Tổ Trưởng	
28	Phạm Minh Thùy	1985	Nữ	kinh	Tổ phó	
29	Võ Thị Kim Duyên	1985	Nữ	kinh	Hòa giải viên	
30	Lê Thị Đuộm	1961	Nữ	kinh	Hòa giải viên	
31	Nguyễn Văn Hưng	1969	Nam	kinh	Hòa giải viên	
32	Trần Văn Út	1962	Nam	kinh	Hòa giải viên	
VII	Tổ hòa giải Khu vực 7					
33	Nguyễn Thị Thu Thúy	1989	Nữ	Kinh	Tổ Trưởng	
34	Võ Văn Minh	1974	Nam	Kinh	Tổ phó	
35	Trương Tấn Kết	1981	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
36	Nguyễn Thị Quyên	1972	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	

37	Nguyễn Văn Rô	1960	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
VIII	Tổ hòa giải Khu vực 8					
38	Lê Văn Minh	1982	Nam	Kinh	Tổ Trưởng	
39	Nguyễn Tấn Tài	1978	Nam	Kinh	Tổ phó	
40	Nguyễn Văn Tiến	1969	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
41	Lê Thị Mỹ Xuyên	1995	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
42	Công Thị Báo Vân	1982	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	
43	Nguyễn Trường Giang	1987	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
IX	Tổ hòa giải Khu vực 9					
44	Nguyễn Ngọc Lành	1992	Nữ	Kinh	Tổ Trưởng	
45	Nguyễn Phước Lợi	2003	Nam	Kinh	Tổ phó	
46	Nguyễn Văn Hề	1971	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
47	Nguyễn Văn Thắng	1962	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
48	Nguyễn Minh Vũ	1976	Nam	Kinh	Hòa giải viên	
49	Võ Thị Kim Thoa	1970	Nữ	Kinh	Hòa giải viên	